

pháp để Nhà nước hoàn chỉnh hệ thống luật pháp đối với việc tổ chức và quản lý doanh nghiệp.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết và báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm, báo cáo đột xuất về việc thực hiện công tác đổi mới doanh nghiệp trình Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4.- Trưởng ban Ban chỉ đạo Trung ương định quy chế hoạt động của Ban để bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Điều 5.- Để sự chỉ đạo được tiến hành sâu rộng và thống nhất cả nước, mỗi Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có một Tiểu ban chỉ đạo đổi mới doanh nghiệp do một Thứ trưởng hoặc một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm Trưởng tiểu ban. Tiểu ban ở các Bộ bao gồm các thành viên là Vụ trưởng (Vụ Phó) các Vụ Kế hoạch, Tổ chức - cán bộ, Tài vụ, một số Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp tiêu biểu, thành viên kiêm nhiệm và 2 - 3 chuyên gia giỏi làm thành viên chuyên trách. Tiểu ban ở tỉnh, thành phố gồm đại diện lãnh đạo Ủy ban Kế hoạch tỉnh, thành phố, Sở Tài chính, Sở Công nghiệp, Sở Nông nghiệp, Sở Thương mại làm thành viên kiêm nhiệm và 2 - 3 thành viên là những chuyên gia có năng lực chuyên trách. Trên cơ sở chương trình, kế hoạch đổi mới doanh nghiệp và sự hướng dẫn, chỉ đạo chung của Ban chỉ đạo Trung ương, các Tiểu ban đổi mới doanh nghiệp ở các Bộ và ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xây dựng và thực hiện các chương trình đổi mới doanh nghiệp ở ngành và địa phương.

Điều 6.- Quyết định này có hiệu lực từ ngày ban hành. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và các đồng chí có tên trong Điều 1 nêu trên có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ
VÕ VĂN KIẾT

CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ số 84-TTg ngày 4-3-1993 về việc xúc tiến thực hiện thí điểm cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước và các giải pháp đa dạng hóa hình thức sở hữu đối với các doanh nghiệp Nhà nước.

Quyết định số 202-CT ngày 8-6-1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc tiếp tục làm thí điểm chuyển một số doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần đã ban hành được hơn 8 tháng, nhưng việc tiến hành còn quá chậm, không thực hiện được những yêu cầu và tiến độ đã quy định. Nguyên nhân chính của việc chậm trễ này là do các Bộ chức năng chưa kịp thời hướng dẫn, cụ thể hóa những quy định của Quyết định số 202-CT; các Bộ quản lý các đơn vị sản xuất, kinh doanh, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa quán triệt sâu sắc về quan điểm, nội dung cổ phần hóa và chưa quan tâm đúng mức chỉ đạo việc triển khai thực hiện công tác này. Mặt khác, việc cổ phần hóa chưa kết hợp chặt chẽ với việc sắp xếp lại doanh nghiệp, nhất là những doanh nghiệp đang gặp khó khăn, trong chỉ đạo thiên về giải thể doanh nghiệp hơn là tìm các hình thức xử lý thích hợp về đa dạng hóa các hình thức sở hữu doanh nghiệp.

Để triển khai và tiến hành có kết quả việc thí điểm cổ phần hóa theo Quyết định số 202-CT và tạo điều kiện để các doanh nghiệp Nhà nước đang gặp khó khăn có thể ổn định và tiếp tục phát triển, Thủ tướng Chính phủ quy định một số điểm cụ thể dưới đây:

A. VỀ CỔ PHẦN HÓA

I. Mục tiêu cổ phần hóa.

Phải rất chú trọng mục tiêu về chuyển hình thức sở hữu Nhà nước thành hình thức sở hữu của các cổ đông, tạo ra sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp cũng như của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Trong định hướng thay đổi cơ cấu nền kinh tế và tổ chức lại khu vực kinh tế quốc doanh, Nhà nước chỉ giữ lại những doanh nghiệp lớn, quan trọng và những doanh nghiệp thuộc những ngành có vị trí then chốt của nền kinh tế quốc dân, để làm chức năng chi phối và điều tiết vĩ mô nền kinh tế, các lĩnh vực thuộc quốc phòng, an ninh và khu vực tạo nên kết cấu hạ tầng hoặc cung cấp một số dịch vụ công cộng, phúc lợi xã hội thiết yếu mà Nhà nước phải đảm nhận. Ngoài những doanh nghiệp Nhà nước thuộc các lĩnh vực trên, Nhà nước cho phép phát triển đa dạng hóa các hình thức sở hữu, trong đó, cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước hiện có là một giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả sản xuất xã hội.

Các mục tiêu của cổ phần hóa đã nêu trong Quyết định số 202-CT đều được coi trọng trong một thể thống nhất, bổ trợ cho nhau, về mục tiêu huy động vốn phải chú ý các hình thức: đối với những doanh nghiệp đang mắc nợ có thể chuyển nợ thành vốn cổ phần, hay chuyển nợ của Nhà nước thành nợ của các cổ đông; hoặc thu một phần hay toàn bộ vốn về ngân sách Nhà nước; hoặc huy động vốn để đầu tư chiều sâu, mở rộng doanh nghiệp.

II. Về cơ chế, chính sách trong việc cổ phần hóa.

1. Các doanh nghiệp tiến hành thí điểm cổ phần hóa được phép cho cán bộ, công nhân viên của doanh nghiệp vay không phải trả lãi với thời hạn trả tối đa không quá 5 năm dưới hình thức bán chịu cổ phiếu trả chậm với mức bình quân không quá 3 triệu đồng/người và mức cao nhất không quá 5 triệu đồng/người tùy theo mức lương và thâm niên công tác. Những cổ phiếu này, người lao động được hưởng lợi tức cổ phần hàng năm, được quyền thừa kế, nhưng không được chuyển nhượng, không được rút vốn khi chưa trả hết tiền mua chịu cổ phiếu. Đối tượng được hưởng là cán bộ, công nhân, viên chức trong biên chế của doanh nghiệp tính đến thời điểm cổ phần hóa và những cán bộ, công nhân, viên chức của doanh nghiệp đang nghỉ hưu, mất sức.

Trong những trường hợp cụ thể, để khuyến khích cán bộ, công nhân viên của doanh nghiệp mua cổ phiếu bằng tiền mặt, giao cho Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ chủ quản quyết định mức mua chịu cổ phiếu trả chậm trong 5 năm với lãi suất ưu đãi tương đương với tỷ lệ (%) thu về sử dụng vốn hàng năm; mức mua chịu tối đa của loại này không vượt quá số cổ phiếu mua bằng tiền mặt.

2. Đất đai mà doanh nghiệp đang sử dụng thuộc quyền sở hữu của Nhà nước, doanh nghiệp chỉ có quyền sử dụng. Khi tiến hành cổ phần hóa, không tính giá trị đất vào giá trị doanh nghiệp mà tính vào chi phí, thu lần đầu về tiền cấp giấy quyền sử dụng đất và tiền sử dụng mặt bằng đất (có liên quan đến việc đền bù, giải phóng mặt bằng...). Sau đó hàng năm doanh nghiệp nộp tiền thuê đất theo Luật Đầu tư (nếu có bán cổ phần cho người nước ngoài) hoặc nộp thuế đất (nếu chỉ bán cổ phần cho người trong nước).

3. Cho phép các doanh nghiệp được tự xử lý số dư quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng (bằng tiền) trước khi cổ phần hóa, khuyến khích việc chia cho

cán bộ, công nhân viên để mua cổ phiếu. Riêng đối với quỹ phúc lợi dưới dạng các công trình như nhà văn hóa, câu lạc bộ, bệnh xá, nhà điều dưỡng v.v... vẫn được duy trì và phát triển lên để bảo đảm phúc lợi chung của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa.

4. Trong trường hợp cụ thể, nếu có khó khăn trong kinh doanh, doanh nghiệp thí điểm cổ phần hóa có thể được xét giảm thuế lợi tức không quá 50% trong 2 năm kể từ khi cổ phần hóa.

5. Phải giải quyết thỏa đáng chính sách lao động, chính sách xã hội đối với người lao động khi tiến hành cổ phần hóa. Trước khi cổ phần hóa các đối tượng thuộc diện nghỉ hưu, mất sức, thôi việc được giải quyết theo chế độ hiện hành. Những người lao động tiếp tục làm việc ở Công ty cổ phần thì được ký kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần; Bộ Lao động - Thương binh và xã hội cấp sổ bảo hiểm xã hội cho tất cả công nhân viên đã ký hợp đồng lao động. Thời gian làm việc trong doanh nghiệp Nhà nước trước đây được bảo lưu làm cơ sở để tính chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Nhà nước.

6. Cho phép làm thí điểm việc bán cổ phần cho tổ chức và cá nhân nước ngoài. Bộ Tài chính cùng với Bộ chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Bộ có liên quan phải có những quy định hướng dẫn cụ thể, cân nhắc thận trọng và báo cáo Thủ tướng Chính phủ từng trường hợp cụ thể.

B. CÁC GIẢI PHÁP ĐA DẠNG HÓA HÌNH THỨC SỞ HỮU ĐỂ ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH

Đối với những doanh nghiệp Nhà nước hiện tại đang gặp khó khăn về sản xuất, kinh doanh, được phép chuyển đổi, hoặc đa dạng hóa hình thức sở hữu theo các giải pháp dưới đây:

1. Bán toàn bộ doanh nghiệp cho một hoặc một số tư nhân, tập thể để hình thành doanh nghiệp tư nhân hoặc Công ty trách nhiệm hữu hạn.

Giải pháp này chủ yếu áp dụng đối với các doanh nghiệp nhỏ trong ngành thương nghiệp và các doanh nghiệp địa phương quận, huyện hiện đang có lãi hoặc lỗ tạm thời chưa đến mức phá sản. Việc xác định trị giá doanh nghiệp để bán được áp dụng như đối với trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước.

2. Nhượng bán một phần vốn và tài sản của doanh nghiệp để hình thành các liên doanh giữa

Nhà nước và tư nhân, tập thể (kể cả trong và ngoài nước) dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn. Có thể kết hợp việc nhượng, bán, hoặc cùng cổ doanh nghiệp Nhà nước hiện có với việc cho tư nhân, tập thể hùn vốn dưới hình thức cổ phần để đầu tư chiều sâu, mở rộng doanh nghiệp.

3. Ngoài ra, để hạn chế sự thất thoát vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Nhà nước trong điều kiện hiện có, cho phép doanh nghiệp áp dụng các giải pháp dưới đây:

- Bán một phần máy móc, nhà xưởng để tập trung đầu tư vào bộ phận còn lại. Hình thức này được áp dụng đối với các doanh nghiệp có dư thừa thiết bị, nhà xưởng không cần dùng đến. Số tiền này được coi là vốn ngân sách Nhà nước đầu tư lại cho doanh nghiệp.

- Sáp nhập doanh nghiệp đang gặp khó khăn vào doanh nghiệp Nhà nước đang hoạt động tốt nhưng không làm suy yếu doanh nghiệp đang làm ăn tốt, nhằm tận dụng được cơ sở hiện có và giải quyết những khó khăn về công nghệ và tài chính của doanh nghiệp bị sáp nhập.

- Hợp đồng thuê toàn bộ doanh nghiệp hoặc cho thuê tài sản và phương tiện kinh doanh, chủ yếu áp dụng đối với loại hình doanh nghiệp nhỏ, kết cấu tài sản cố định và công nghệ giản đơn như các cửa hàng, cửa hiệu, kho, bãi chứa hàng...

- Hợp đồng khoán quản lý, áp dụng đối với các doanh nghiệp mà tình trạng khó khăn hiện tại chủ yếu do sự yếu kém về mặt tổ chức kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

4. Biện pháp cuối cùng là giải thể các doanh nghiệp thua lỗ lớn, mất khả năng thanh toán, có nguy cơ phá sản.

Cơ quan tài chính, cơ quan chủ quản, Ban thanh toán công nợ phải xác định và quy rõ trách nhiệm về các khoản nợ đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan. Phần nợ còn thiếu do ngân sách Nhà nước đảm nhận. Sau khi đã xác định trách nhiệm trả nợ cuối cùng, thực hiện các thủ tục giải thể doanh nghiệp theo Quyết định số 315-HĐBT ngày 1-9-1990 và số 330-HĐBT ngày 23-10-1991 của Hội đồng Bộ trưởng.

C. VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tất cả các doanh nghiệp tiến hành cổ phần hóa hoặc chuyển đổi, đa dạng hóa hình thức sở hữu đều phải tiến hành xác định trị giá vốn, tài sản, trị

giá doanh nghiệp để cổ phần hóa hoặc nhượng, bán, cho thuê, sáp nhập... Việc xác định trị giá vốn, tài sản, trị giá doanh nghiệp phải dựa trên cơ sở số liệu quyết toán có xác nhận về kiểm toán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc xác định trị giá vốn, tài sản, trị giá doanh nghiệp và các thủ tục về tài chính trong việc cổ phần hóa, nhượng, bán, cho thuê, sáp nhập... bảo đảm quản lý chặt chẽ vốn, tài sản Nhà nước, tránh lợi dụng những sơ hở để làm thất thoát vốn, tài sản Nhà nước.

2. Bộ Tài chính cùng với Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước (Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương) sớm ra các văn bản hướng dẫn những vấn đề về vốn, về tài chính, về chính sách lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bán cổ phần cho người nước ngoài, khi tiến hành cổ phần hóa, điều lệ mẫu của Công ty cổ phần và khi thực hiện đa dạng hóa các hình thức sở hữu theo các giải pháp nói trên.

3. Các Bộ quản lý các đơn vị sản xuất kinh doanh, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải sớm thành lập Ban chỉ đạo đổi mới doanh nghiệp (theo Quyết định số 83-TTg ngày 4 tháng 3 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ) ở các Bộ, tỉnh, thành phố và chỉ đạo chặt chẽ việc tiến hành thí điểm cổ phần hóa theo đúng nội dung, yêu cầu của Quyết định số 202-CT và việc chuyển đổi, đa dạng hóa hình thức sở hữu của doanh nghiệp Nhà nước theo quy định của Chỉ thị này.

4. Giao cho Bộ Tài chính cùng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước (Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương) phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra đôn đốc việc thực hiện triển khai thí điểm cổ phần hóa và việc chuyển đổi, đa dạng hóa hình thức sở hữu của doanh nghiệp Nhà nước. Bộ Tài chính có trách nhiệm báo cáo kịp thời những khó khăn, vướng mắc để Chính phủ xem xét, xử lý.

5. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ cùng với Bộ Tài chính nghiên cứu và đề xuất đề án cho phép Bộ Tài chính thành lập Công ty tài chính để làm các dịch vụ về cổ phần hóa khi chưa có thị trường chứng khoán và quản lý số cổ phần Nhà nước trong các Công ty cổ phần.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan

thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện nghiêm chỉnh những quy định tại Chỉ thị này để việc thí điểm cổ phần hóa được tiến hành theo đúng nội dung, yêu cầu và tiến độ quy định và thực hiện có kết quả các giải pháp đa dạng hóa hình thức sở hữu nhằm ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Nhà nước.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

CÁC BỘ

LIÊN BỘ XÂY DỰNG - TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ liên Bộ số 1-LBTT ngày 19-1-1993 hướng dẫn định giá cho thuê nhà ở.

Căn cứ Quyết định số 118-TTg ngày 27-11-1992 của Thủ tướng Chính phủ về giá cho thuê nhà ở và đưa tiền nhà vào tiền lương;

Căn cứ Quyết định số 137-HĐBT ngày 27-4-1992 của Hội đồng Bộ trưởng quy định về quản lý giá;

Sau khi đã trao đổi thống nhất với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và Ban Vật giá Chính phủ, liên Bộ Xây dựng - Tài chính hướng dẫn định giá cho thuê nhà như sau:

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Giá cho thuê nhà ở xác định theo Thông tư này là căn cứ để tính tiền nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước hiện do các cơ quan quản lý nhà đất, các cơ quan hành chính sự nghiệp, lực lượng vũ trang, các tổ chức Đảng, đoàn thể quần chúng thuộc Trung ương và địa phương, các đơn vị sản xuất

Biểu số 1: Giá chuẩn quy định thống nhất cho từng loại nhà ở.

DVT: đồng/m² sử dụng - tháng

Biệt thự (hạng)				Nhà ở thông thường (cấp)			
I	II	III	IV	I	II	III	IV
1	2	3	4	5	6	7	8
2500	3000	3500	5500	1500	1400	1350	900

kinh doanh đã cho thuê hoặc phân phối cho cán bộ, công nhân viên chức ở trước ngày 1 tháng 11 năm 1992 (sau đây gọi tắt là giá cho thuê nhà ở).

Giá cho thuê nhà ở quy định trong Thông tư này là căn cứ để xác định nghĩa vụ đối với Nhà nước của các tổ chức quản lý và kinh doanh phát triển nhà thuộc sở hữu Nhà nước.

Giá này cũng áp dụng với nhà ở của tư nhân đã cho thuê theo giá chỉ đạo của Nhà nước trước ngày 1-11-1992.

Giá cho thuê nhà ở chỉ áp dụng đối với các đối tượng thuê nhà để ở. Nhà ở nhưng dùng vào các mục đích khác (sản xuất, kinh doanh, dịch vụ v.v...) không thuộc phạm vi quy định của Thông tư này.

2. Căn cứ vào giá chuẩn, các hệ số và cách tính quy định tại mục II của Thông tư này, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) xác định, công bố áp dụng giá cho thuê nhà ở đối với từng loại nhà trên địa bàn lãnh thổ (không phân biệt cấp quản lý và cơ quan trực tiếp quản lý nhà ở).

3. Giá chuẩn cho 8 loại nhà (biệt thự các hạng I, II, III, IV) và các hệ số quy định ở mục II của Thông tư này áp dụng thống nhất trong cả nước và chỉ điều chỉnh khi có quyết định của Nhà nước.

4. Giá cho thuê nhà ở xác định trong Thông tư này được áp dụng đối với những nhà ở bảo đảm tiêu chuẩn an toàn cần thiết theo quy định của Nhà nước. Đối với nhà chưa đủ tiêu chuẩn cơ quan quản lý nhà phải có kế hoạch và biện pháp tiến hành tu bổ hoặc thỏa thuận với người thuê tự sửa chữa theo dự toán được duyệt rồi trừ vào tiền thuê hàng tháng.

5. Tiêu chuẩn phân định loại nhà (đối với biệt thự) và cấp nhà (đối với nhà ở khác) để xác định giá cho thuê căn cứ vào quy định tại phụ lục số 1 kèm theo Thông tư này.

II. XÁC ĐỊNH GIÁ CHO THUÊ NHÀ Ở

1. Giá chuẩn:

Giá chuẩn của tám loại nhà (biệt thự và nhà ở các cấp) được quy định trong biểu số 1 dưới đây: